

QUÁ TRÌNH THAY ĐỔI MÔ HÌNH ĐÔ THÀNH Ở TRUNG QUỐC VÀ ĐÔ THÀNH NHẬT BẢN CỔ ĐẠI

TS Toyoda Hiroaki*

Lời mở đầu

Cho đến nay, đã có nhiều nghiên cứu liên quan đến các kinh đô của Trung Quốc từ thời Tiền Hán (thế kỷ III tr. CN – thế kỷ I sau CN) đến thời Tùy (581 - 618), Đường (618 - 907). Tuy nhiên, không có nhiều nghiên cứu khảo sát sự phân chia các không gian “thành” (nội thành) và “quách” (ngoại quách). Thêm vào đó, hầu như cũng chưa có một nghiên cứu nào phân biệt 2 không gian “thành” và “quách” trong các kinh đô của Nhật Bản thời kỳ cổ đại.

Trong loạt chuyên khảo được công bố từ năm 1998, chúng tôi đã tiến hành khảo sát các kinh đô của Trung Quốc từ thời Hán đến thời Nam Bắc triều từ góc độ cấu trúc không gian 3 vòng “cung” – “thành” – “quách”. Chúng tôi cũng đã trình bày quan điểm cho rằng khái niệm *đô thành*, được dùng để biểu thị không gian thành của một kinh đô, đã có sự thay đổi lớn trong giai đoạn từ thời Tùy (581 - 618) đến sơ kỳ thời Đường. Trong giai đoạn quá độ này, khái niệm *đô thành* từ chỗ chỉ khu vực nội thành (bao bọc lấy khu vực cung) đã được mở rộng về mặt phạm vi, bao gồm thêm cả khu vực quách (ngoại quách) của kinh đô. Ở Nhật Bản thời cổ đại, khu vực nội thành vốn là đô thành, có khả năng nhà nước cổ đại Nhật Bản trước tiên đã thiết kế cấu trúc vương thành theo hình mẫu lý tưởng được ghi chép trong sách *Chu Lễ* (Toyoda, 1998, 2001, 2002, 2003, 2007-a, 2008). Mặc dù khái niệm đô thành kiểu mới hình thành trong thời Tùy – Đường đã được du nhập một phần vào cấu trúc các kinh đô của Nhật Bản từ Kinh thành Heijo trở đi, song chúng tôi đã chỉ ra rằng quan niệm về cấu trúc đô thành nguyên gốc vốn chỉ bao gồm khu vực nội thành vẫn tiếp tục được kế thừa và bám rễ sâu trong kiến trúc kinh đô của Nhật Bản (Toyoda 2002, 2007-a, 2008).

Những thành quả nghiên cứu đó đã được tổng hợp trong bài viết *Sự biến đổi của khái niệm đô thành ở Trung Quốc và cung đô của Nhật Bản* (Toyoda, 2008). Trên cơ sở bài viết đó, trong báo cáo này, chúng tôi sẽ trình bày một cách khái quát sự thay đổi lớn trong khái niệm đô thành ở Trung Quốc cũng như những ảnh hưởng của nó đến cấu trúc không

* Nghiên cứu viên Trung tâm Nghiên cứu Văn hóa Nhật Bản, Nhật Bản.

gian cung đô của Nhật Bản thời cổ đại. Đây không đơn giản là vấn đề mang tính khái niệm, mà theo chúng tôi là một chìa khóa quan trọng giúp chúng ta tìm hiểu cấu trúc không gian quốc đô của Nhật Bản nói riêng và bản chất của đô thị nói chung. Liên quan đến những chi tiết cụ thể, người đọc có thể tham khảo thêm các bài viết đã công bố trước đây của chúng tôi (Toyoda 1998, 2001, 2002, 2003, 2007-1, 2007-b, 2008). Nội dung của báo cáo này cũng đã được chúng tôi trình bày tại cuộc họp về di tích Hoàng thành Thăng Long tổ chức tại Trung tâm Bảo tồn Khu di tích Cổ Loa và thành cổ Hà Nội ngày 18 tháng 8 năm 2010.

Trong báo cáo này, chúng tôi cũng đề cập đến vấn đề khái niệm đô thành ở Trung Quốc từ thời Bắc Tống (960 – 1127) trở về sau, cũng như những hướng nghiên cứu mà chúng tôi đang áp dụng liên quan đến Kinh đô Thăng Long của Việt Nam.

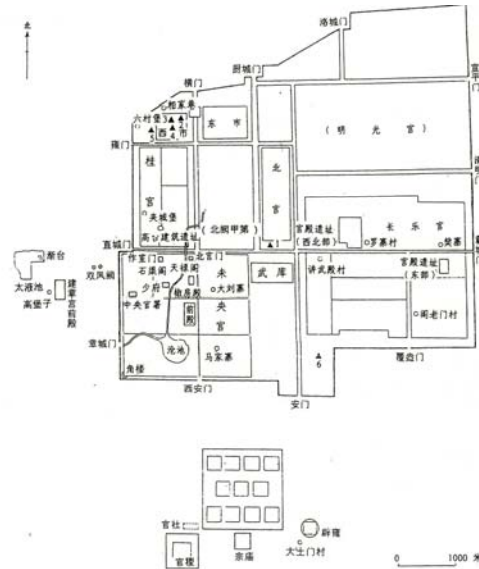
1. Đô thành của Trung Quốc từ thời Hán đến thời Nam Bắc triều

Trong phần này, chúng tôi sẽ đề cập đến các kinh đô quan trọng của Trung Quốc từ thời Tiền Hán (thế kỷ III tr. CN – thế kỷ I sau CN) đến thời Nam Bắc triều (thế kỷ V – thế kỷ VI), bao gồm các Trường An thời Tiền Hán, Nghiệp của Bắc Tề, Lạc Dương của Bắc Ngụy, Kiến Khang của Nam triều; đồng thời khảo sát cấu trúc không gian cung – thành – quách của từng kinh đô.

(1) Trường An thời Tiền Hán

Bên trong thành Trường An - quốc đô của Trung Quốc thời Tiền Hán (thế kỷ III tr. CN – thế kỷ I sau CN) có các cung điện như cung Vị Ương, cung Trường Lạc, trụ sở của các cơ quan nhà nước, kho vũ khí, các khu chợ Đông thị và Tây thị. Thành Trường An có tường thành bao bọc xung quanh (chân thành rộng khoảng 16m), trên tường thành được bố trí mở 12 cửa (thập nhị môn)¹. Thành Trường An có tính chất nội thành, được xây dựng để bảo vệ khu vực cung thất, trụ sở các cơ quan nhà nước cũng như dinh thự của tầng lớp quan lại cấp cao². Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng các khu dân cư nói chung được đặt bên ngoài thành Trường An³. Ngoài ra, các nhà nghiên cứu cũng cho rằng khu vực đô thị trải rộng bên ngoài thành Trường An đương thời được gọi là “quách”⁴. Một số sử liệu như *Tam phụ hoàng đồ* coi thành Trường An là “đô thành”. Căn cứ vào những tư liệu này, có thể suy đoán cái được gọi là “đô thành” vào thời Hán không bao gồm khu vực quách nằm ngoài thành Trường An. Trong khu vực quách của Kinh đô Trường An cũng tồn tại một số phần mộ, điều này cho thấy khu vực này có tính chất như một khu vực ngoại ô (cận giao) của kinh thành, không phải là một khu dân cư tập trung⁵. Ngoài ra, mặc dù có một số tư liệu cho thấy xung quanh khu vực quách có mở một số cửa, song ở thời điểm hiện nay, chúng ta vẫn chưa xác định được hệ thống tường bao bọc khu vực quách.

Như vậy, Kinh đô Trường An thời Tiền Hán được cấu thành bởi 3 khu vực, khu vực cung có các cung điện như cung Vị Ương, cung Trường Lạc, khu vực thành có các cơ quan nhà nước, kho vũ khí, dinh thự của một số quan lại cấp cao và ngoài cùng là khu vực quách – khu vực đô thị mang tính chất ngoại ô (cận giao). Chúng tôi cho rằng khái niệm đô thành đương thời chỉ bao gồm khu vực cung (mang tính chất nội thành) và khu vực thành, không bao gồm khu vực quách ở bên ngoài. Xung quanh khu vực thành chắc chắn có xây dựng tường thành dày. Tuy nhiên, không thấy có ghi chép cụ thể về lớp tường của khu vực quách, vì vậy, chúng ta có thể suy đoán rằng cho dù có tồn tại tường quách đi chăng nữa thì lớp tường này cũng chỉ được xây dựng rất một cách đơn giản.



Hình 1. Bản vẽ mặt bằng di tích thành Trường An đời Hán
(theo Lưu Khánh Trụ, Lý Dục Phương, 2003)

(2) Lạc Dương từ thời Hậu Hán đến thời Tây Tấn

Bên trong thành Lạc Dương – quốc đô từ thời Hậu Hán (thế kỷ I – thế III) đến thời Tây Tấn (thế kỷ III – thế kỷ IV) có khu vực cung thất như Bắc cung, Nam cung, trụ sở của các cơ quan nhà nước, kho tàng. Nhiều nhà nghiên cứu cũng cho rằng bên trong thành Lạc Dương có khu vực dân cư và khu vực chợ, được gọi dưới cái tên Kim thị. Thành Lạc Dương được bao quanh bởi một lớp tường thành dày (những phần tường còn lại hiện nay dày từ 14 – 30m), trên đó có bố trí 12 cửa (thập nhị môn)⁶. Một số nhà nghiên cứu cũng lưu ý đến việc cấu trúc thành Lạc Dương thời Hậu Hán được xây dựng trên cơ sở cấu trúc vương thành lý tưởng được ghi chép trong sách *Chu Lễ*⁷. Thành Lạc Dương thời Hậu Hán còn được gọi với nhả hiệu là “hoàng thành”.

Thành Lạc Dương thời Hậu Hán có tính chất nội thành⁸. Có ghi chép cho thấy bên ngoài thành có một khu chợ gọi là Đại thị, nên có thể suy đoán rằng bên ngoài thành cũng có khu vực đô thị trải rộng tương đương với khu vực quách. Tuy nhiên, cái được gọi là Lạc Dương thành chỉ bao gồm khu vực nằm bên trong thành, bao bọc lấy Bắc cung và Nam cung (tương đương với khu vực cung), đây chính là đô thành thời Hậu Hán. Nói cách khác, đô thành Lạc Dương thời Hậu Hán không bao gồm khu vực quách. Ở thời điểm hiện nay, người ta vẫn chưa xác định được có tồn tại lớp tường bao quanh khu vực quách của kinh đô Lạc Dương thời Hậu Hán hay không.

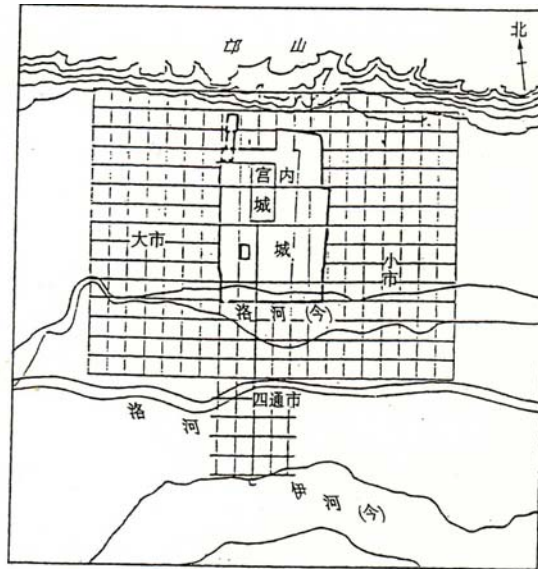
Như vậy, từ thời Hậu Hán đến thời Tây Tấn, thành Lạc Dương (bao gồm khu vực cung và khu vực thành) là đô thành (kinh thành), không bao gồm khu vực quách. Đô thành thời kỳ này mang tính chất nội thành và có mở 12 cửa. Đô thành được bao quanh bởi một lớp tường thành dày. Chúng ta không thấy có tài liệu nào lưu ý đến lớp tường thành của khu vực quách, nên dù có tồn tại lớp tường quách đi chăng nữa, có thể suy đoán rằng lớp tường này chỉ được xây dựng một cách khá đơn giản.

(3) Lạc Dương thời Bắc Ngụy

Quốc đô Lạc Dương thời Bắc Ngụy (thế kỷ V – thế kỷ VI) là thành Lạc Dương, bao gồm khu vực cung thành, trụ sở của các cơ quan nhà nước cũng như một số tự viện như chùa Vĩnh Ninh, một số khu dân cư. Thành Lạc Dương được vây quanh bởi một lớp tường thành, những phần vẫn còn lại hiện nay của lớp tường thành này dày khoảng 14 – 30m. Người ta cũng xác định được bên ngoài thành Lạc Dương có một lớp quách (hình 2)⁹. Khu vực quách rộng lớn của Kinh đô Lạc Dương thời Bắc Ngụy không chỉ có khu cư trú của dân thường mà có cả dinh thự của một số thành viên hoàng tộc, quan lại cao cấp cũng như một số tự viện. Ngoài ra, các cuộc điều tra khảo cổ học tại đây cũng giúp xác định khu vực quách có một lớp tường bao bên ngoài (ở các phần tường còn lại hiện nay, chân tường rộng khoảng 6 – 13m)¹⁰.

Nếu nhìn từ góc độ cấu trúc 3 vòng thành, Kinh đô Lạc Dương của Bắc Ngụy cũng được cấu thành bởi 3 vòng là khu vực cung (cung thành), khu vực thành là thành Lạc Dương bao lấy khu vực cung, khu vực quách nằm bên ngoài thành Lạc Dương.

Tuy nhiên, dựa vào những ghi chép trong phần Thích khảo chí của sách *Ngụy thư*, có thể thấy đô thành Lạc Dương của Bắc Ngụy chỉ có khu vực cung và khu vực thành, không bao gồm khu vực quách bên ngoài¹¹. Lớp tường thành của khu vực thành rất dày, trong khi lớp tường quách lại được xây dựng tương đối đơn giản.



Hình 2. Lạc Dương đời Bắc Ngụy (theo Vương Trọng Chu, 1982)
Theo các cuộc điều tra gần đây, có vẻ như khu vực ngoại quách không có hình dạng xác định

(4) Nghiệp của Bắc Tề

Bên trong Kinh đô Nghiệp của Bắc Tề (TK VI) có khu vực cung thất (được gọi là “Nam cung”) và khu vực thành (được gọi là “Nghiệp thành”) bao lấy khu vực cung. Các cuộc điều tra khảo cổ học gần đây cũng cho thấy tồn tại một khu vực đô thị nằm ngoài Nghiệp thành¹².

Nếu xem xét Kinh đô Nghiệp của Bắc Tề từ góc độ 3 vòng cung – thành – quách, chúng ta thấy Nam cung tương đương với khu vực cung, Nghiệp thành với một lớp

tường thành bao quanh tương đương với khu vực thành, khu vực chợ búa phổ thường bên ngoài thành tương đương với khu vực quách. Ở Kinh đô Nghiệp của Bắc Tề, khu vực quách cũng không được tính vào đô thành.

(5) *Kiến Khang thời Nam triều*

Tại Kiến Khang – quốc đô của Nam triều (Tống, Tề, Lương, Trần, TK V – TK VI), khu vực cung được gọi là “cung thành” hay “đài thành”, được bao quanh bởi một lớp tường kiên cố có thiết kế cả “trí điệp” (nữ tường để phòng ngự).

Bên ngoài khu vực cung có một khu vực được gọi là “đô thành”, “đô tường” hay “lục môn chi nội”, như vậy cung được bao quanh bởi “đô tường” và có bố trí 6 cửa. Có thể coi khu vực này tương đương với khu vực thành. Các nhà nghiên cứu cho rằng bên trong khu vực thành có trụ sở của các cơ quan nhà nước cũng như khu cư trú của hoàng tộc¹³. Tuy nhiên, có một số căn cứ cho thấy thường dân cũng sống bên trong khu vực thành của Kinh đô Kiến Khang.

Tại Kinh đô Kiến Khang của Nam triều cũng xác định được một khu vực đô thị rộng lớn nằm bên ngoài của khu vực thành¹⁴. Khu vực đó được gọi là “quách”. Trong khu vực quách của Kiến Khang, ngoài các khu cư trú của dân thường còn có nhiều dinh cơ của tầng lớp quan lại, trong số đó có dinh thự của một số quan lại cao cấp¹⁵.

Tuy nhiên, tại Kiến Khang của Nam triều, khu vực được gọi là “đô thành” vẫn chỉ là phần bên trong của khu vực thành, chưa bao gồm khu vực quách nằm bên ngoài. Xung quanh khu vực quách chúng ta thấy có bố trí một số “li môn”. Căn cứ vào tên gọi “li môn”, chúng ta có thể suy đoán rằng khu vực quách được bao quanh bởi một hệ thống lũy đất hoặc lũy tre để ngăn cách với khu vực bên ngoài¹⁶. Ngoài ra, cũng có một số ghi chép cho chúng ta thấy đương thời, khu vực quách này được coi là vùng ngoại ô (cận giao) của khu vực thành¹⁷.

Ngoài ra, trong khi lớp tường bao khu vực cung của kinh đô Kiến Khang được xây dựng khá kiên cố, lớp tường của khu vực thành lại không có nhiều tính chất phòng ngự. Đến khu vực quách, lớp tường bao lại càng đơn giản, chỉ là một dạng lũy đất hoặc lũy tre (“li môn”) mà thôi.

Qua những phân tích trên đây, có thể nhận xét tại quốc đô Kiến Khang của Nam triều, đô thành cũng chỉ là phần bên trong của khu vực thành (khu vực thành bao lấy khu vực cung), khu vực quách bên ngoài vẫn chưa được coi là thuộc phạm vi của đô thành. Khu vực quách đương thời chỉ được là khu vực ngoại ô (cận giao) tiếp nối với các vùng nông thôn ở xung quanh.

2. Sự thay đổi của khái niệm đô thành trong thời Tùy – Đường

(1) *Đại Hưng của nhà Tùy*

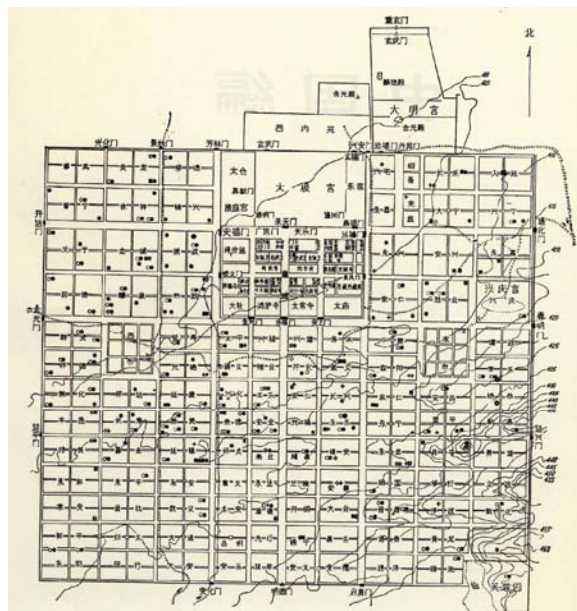
Vào thời Tùy (581 – 618), Tùy Dạng Đế đã cho xây dựng quốc đô Đại Hưng theo một quy hoạch mới ở khu vực phía Đông Nam của thành Trường An vốn có từ thời Hán. Bên cạnh đó, Kinh đô Lạc Dương cũng được Tùy Dạng Đế cho xây dựng mới ở vị trí khác với thành Lạc Dương của các thời kỳ trước. Các kinh đô Đại Hưng và Lạc Dương được xây dựng mới vào đời Tùy sau này đã được nhà Đường kế thừa với tên gọi Trường An, Lạc Dương (hình 3).

Quốc đô Đại Hưng (sau này Trường An của nhà Đường) đã có một số thay đổi mang tính bước ngoặt trong quy hoạch xây dựng. Nếu như tại các kinh đô trước đó, khu vực thành thường được xây dựng ôm lấy khu vực cung thì sang đến Kinh đô Đại Hưng của nhà Tùy, khu vực cung và khu vực thành được xây dựng liên kết với nhau¹⁸.

Một cải cách lớn nữa là tại Kinh đô Đại Hưng, các khu dân cư đã được di chuyển ra ngoài khu vực thành; khu vực thành (hoàng thành) giờ đây chỉ còn là nơi đặt trụ sở của các cơ quan nhà nước. Đây là điểm khác biệt rất lớn so với những thời kỳ trước đó, tại các kinh đô từ thời Tiền Hán, Hậu Hán đến thời Nam Bắc triều, trong khu vực thành, các khu dân cư và cung thất nằm xen lẫn với nhau. Tác giả chính của những cải cách lớn trong quy hoạch Kinh đô Đại Hưng là Vũ Văn Khải.

Còn một điểm thay đổi lớn nữa tại Kinh đô Đại Hưng là việc tập trung thống nhất các khu dân cư vào khu vực quách. Tại các kinh đô từ thời Tiền Hán đến thời Nam Bắc triều, các khu dân cư nằm cả ở khu vực quách lẫn khu vực nội thành. Tuy nhiên, tại kinh đô Đại Hưng thời Tùy (sau này là Trường An của nhà Đường), các khu dân cư đã bị loại bỏ tại khu vực thành và được đưa ra khu vực quách với quy hoạch phố phường theo hình bàn cờ¹⁹.

Hiện nay, chưa tìm thấy bằng chứng cho thấy lớp tường bao quanh khu vực quách của kinh đô Đại Hưng đời Tùy được xây dựng kiên cố hơn so với thời Bắc Ngụy. Ví dụ, theo các bản vẽ di cấu (hình 4) của cuộc điều tra khảo cổ học tiến hành tại 2 cửa Kim Quang môn và Khải Hạ môn của Đại Hưng (Trường An), mặc dù các cửa này có chiều sâu khá lớn nhưng ở lớp tường quách nối kết với các cửa này, có những chỗ độ rộng chân tường chỉ dày có 3m.



Hình 3. Bản vẽ phục dựng thành Đại Hưng (đời Tùy) – Trường An (Hán)
(theo Sueki, 1978)

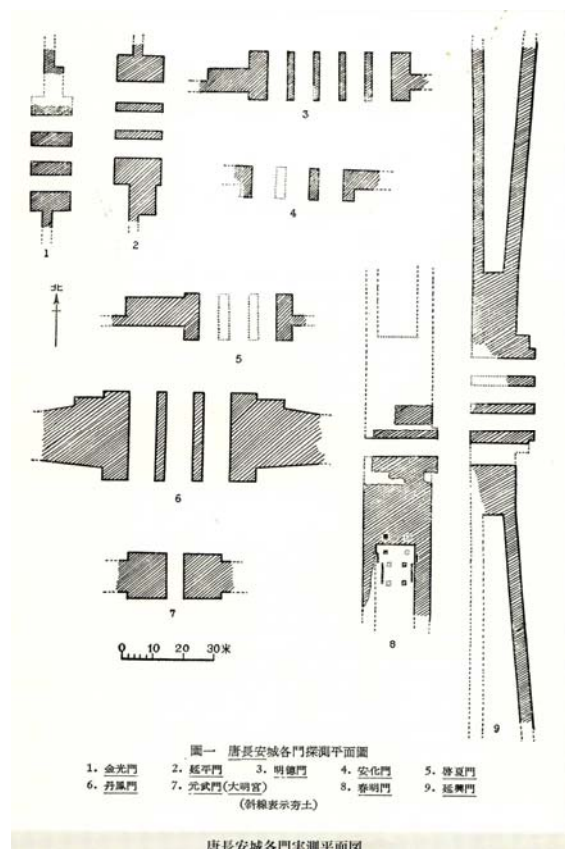
Khu vực quách của Đại Hưng cũng được xây dựng vuông vức hơn so với kinh đô của các giai đoạn trước. Đáng chú ý là ở 3 mặt Đông, Tây, Nam của lớp tường quách,

chúng ta thấy có bố trí 3 cổng. Dựa vào điều này, có thể cho rằng Đại Hưng đã được xây dựng trên cơ sở mô hình “vương thành” được ghi chép trong sách *Chu Lễ*, với cách bố trí 3 cổng ở mỗi mặt²⁰. Điều này có nghĩa là trong quy hoạch xây dựng của Kinh đô Đại Hưng, người ta đã coi khu vực quách cũng là một bộ phận của “vương thành”, tức là đô thành (kinh thành)²¹.

Tại Kinh đô Đại Hưng của nhà Tùy, tương ứng với những cải cách về mặt quy hoạch cấu trúc, khái niệm đô thành cũng đã có sự thay đổi lớn khi đã coi khu vực quách cũng thuộc phạm vi của đô thành. Tuy nhiên, trong một số tư liệu đương thời, chúng ta vẫn thấy có những ghi chép dựa trên khái niệm đô thành truyền thống đã tồn tại từ thời Hán đến thời Nam Bắc triều, coi khu vực quách không nằm trong đô thành. Như vậy, thời Tùy là giai đoạn mang tính quá độ trong quá trình thay đổi khái niệm đô thành ở Trung Quốc, trong giai đoạn quá độ này, có sự tồn tại song song hai khái niệm đô thành kiểu truyền thống và đô thành kiểu mới, chính vì vậy đã xuất hiện sự lẫn lộn trong nhận thức về đô thành của nhiều người đương thời²².

(2) Đô thành thời Đường

Kinh đô Trường An của nhà Đường (618 – 907) đã kế thừa gần như nguyên vẹn Kinh đô Đại Hưng của nhà Đường.

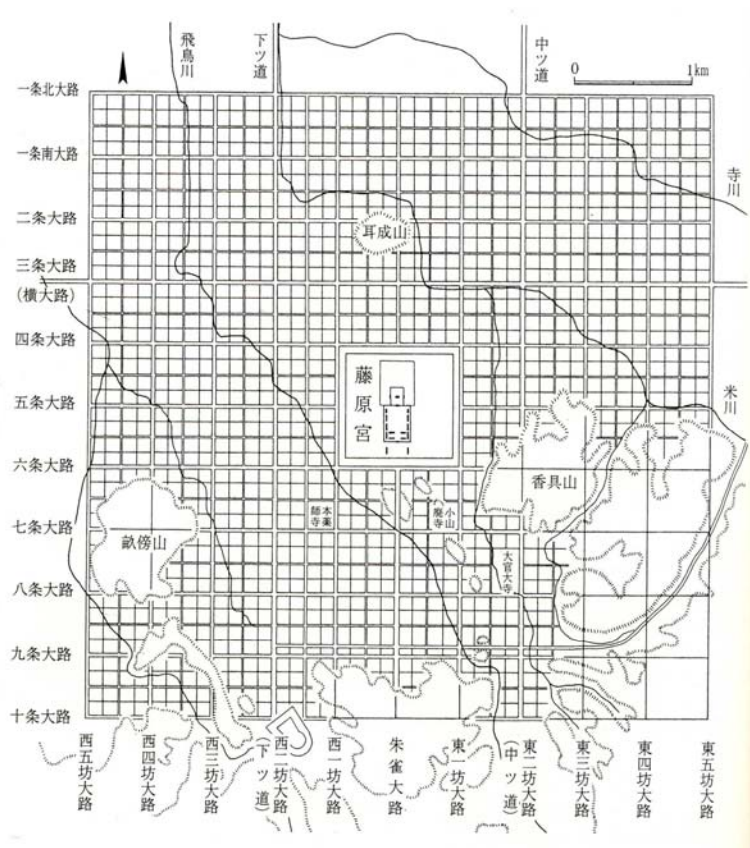


Hình 4. Bản vẽ thám trắc mặt bằng các cổng thành Trường An đời Đường (Theo Ủy ban Quản lý văn vật tỉnh Thiểm Tây, 1958)

Nếu xem xét từ góc độ 3 vòng cung – thành – quách, “cung thành” tương đương với khu vực cung, khu vực thường được gọi là “hoàng thành” tương đương với khu vực thành, khu vực bên ngoài được quy hoạch theo hình bàn cờ tương đương với khu vực quách. Quy hoạch xây dựng của Kinh đô Trường An cũng được xây dựng trên cơ sở nhận thức coi đô thành bao gồm cả khu vực quách. Nếu ở thời Tùy, sự thay đổi của khái niệm đô thành vẫn còn đang ở giai đoạn quá độ thì sang đến trung kỳ thời Đường, khái niệm đô thành bao gồm cả khu vực quách đã trở nên phổ biến. Tuy nhiên, nếu so sánh với lớp tường bao quanh cung thành (khu vực cung) hay hoàng thành (khu vực thành), lớp tường bao quanh khu vực quách vẫn được xây dựng khá đơn giản. Ngoài ra, khu vực dân cư, được tập trung vào khu vực quách, về mặt hành chính vẫn chịu sự quản lý của hai huyện Trường An và Vạn Niên như các khu vực nông thôn xung quanh. Như vậy, đến thời Đường, khu vực quách vẫn có sự liên kết với các khu vực xung quanh²³.

3. Sự thay đổi khái niệm đô thành ở Trung Quốc và đô thành Nhật Bản cổ đại

Trong phần này, chúng tôi sẽ tập trung trình bày những ảnh hưởng của việc thay đổi khái niệm đô thành ở Trung Quốc đến cấu trúc các kinh đô của Nhật Bản thời kỳ cổ đại qua trường hợp của Kinh đô Fujiwara (694 – 710) – nơi được coi là cung đô được xây dựng một cách bài bản đầu tiên của Nhật Bản.



Hình 5. Phục dựng Kinh đô Fujiwara
(theo Ozawa Tsuyoshi, Nghiên cứu cấu trúc cung đô Nhật Bản thời cổ đại)

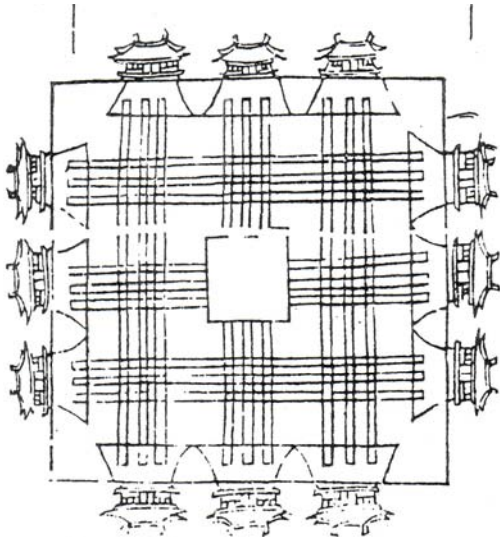
Như đã trình bày ở phần trước, trong các quốc đô của Trung Quốc từ thời Tiền Hán (thế kỷ III tr. CN – thế kỷ I sau CN) đến thời Nam Bắc triều (thế kỷ V – thế kỷ VI), khu vực cung và khu vực thành bao bọc lấy nó, tức khu vực nội thành được coi là đô thành, khu vực quách bên ngoài (ngoại quách) không nằm trong phạm vi của đô thành. Tuy nhiên, trải qua một giai đoạn quá độ kéo dài từ thời Tùy đến Đường sơ, sang đến trung kỳ thời Đường, khái niệm đô thành kiểu mới coi khu vực quách cũng nằm trong phạm vi của đô thành đã trở nên phổ biến. Đây cũng chính là thời kỳ Nhật Bản hướng đến xây dựng một kinh đô bài bản đầu tiên. Chính vì vậy, nhiều khả năng sự thay đổi trong khái niệm đô thành của Trung Quốc đã có những ảnh hưởng lớn đến cấu trúc kinh đô của Nhật Bản.

Tại các kinh đô cổ đại của Nhật Bản, khu vực thường được coi là cung thành²⁴ (cung Fujiwara) có tính chất nội thành, trong khi khu vực có quy hoạch điều phườg (quy hoạch bàn cờ) bên ngoài được coi là tương đương với khu vực ngoại quách. Trước đây, các học giả Nhật Bản nhiều lần đã chỉ ra rằng tại Fujiwara – kinh đô đầu tiên được xây dựng một cách bài bản của Nhật Bản (694 – 710), khu vực được xây dựng theo quy hoạch bàn cờ ở bên ngoài chỉ là khu vực phụ cho khu vực cung thành (cung Fujiwara)²⁵. Quan niệm coi đô thành chỉ bao gồm khu vực cung và khu vực thành, không bao gồm khu vực quách của kinh đô Fujiwara rất giống với khái niệm đô thành truyền thống của Trung Quốc.

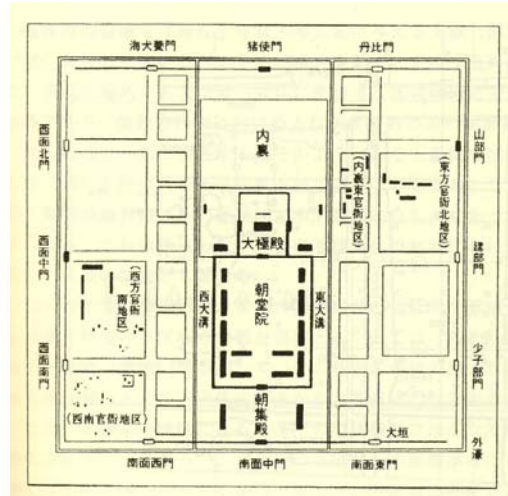
Theo một số tài liệu như sách *Tục Nhật Bản kỷ*, khu vực có tính chất nội thành (cung Fujiwara) đương thời cũng được gọi là “kinh thành” – đồng nghĩa với đô thành. Nếu đúng như vậy, tại Kinh đô Fujiwara, khu vực cung thành là đô thành, khu vực được quy hoạch bàn cờ tương đương với khu vực quách không nằm trong phạm vi của đô thành.

Trong nhiều năm trở lại đây, quan điểm cho rằng quy hoạch tổng thể của Kinh đô Fujiwara (bao gồm cả khu vực quy hoạch bàn cờ - điều phườg) được xây dựng trên mô hình lý tưởng của Nho giáo về vương thành được ghi chép trong sách *Chu Lễ* do hai học giả Ozawa Tsuyoshi và Nakamura Taichi đề xướng được nhiều người ủng hộ²⁶. Tuy nhiên, theo những phân tích ở trên, khu vực được quy hoạch tương ứng với ghi chép của sách *Chu Lễ* không phải là toàn bộ Kinh đô Fujiwara mà chỉ là khu vực cung Fujiwara.

Ozawa Tsuyoshi và Nakamura Taichi khi tiến hành so sánh quy hoạch tổng thể của kinh đô Fujiwara với sách *Chu Lễ* đã giải thích yếu tố “cửu kinh cửu vĩ” chép trong sách *Chu Lễ* là có 9 con đường theo chiều ngang và 9 con đường theo chiều dọc cách đều nhau (hình 5). Tuy nhiên, theo chú thích của Trịnh Huyền đời Hậu Hán và Giả Công Ngạn đời Đường (những chú thích *Chu Lễ* phổ biến ở cả Trung Quốc và Nhật Bản đương thời), ý nghĩa của “cửu kinh cửu vĩ” ở đây phải hiểu là ở mỗi mặt của vương thành sẽ bố trí 3 cửa (tổng cộng là 12 cửa), ở mỗi cửa sẽ có 3 con đường nhỏ chạy vào bên trong vương thành (điều này cũng được thể hiện tên bản vẽ của Nhiếp Sùng Nghĩa đời Bắc Tống (hình 6). Nếu đứng trên cách giải thích này để xem xét quy hoạch tổng thể của Kinh đô Fujiwara, so sánh vị trí của các cổng cũng như cấu trúc của mỗi cổng (có 3 lối ra vào), có vẻ như cung thành (cung Fujiwara) mới là khu vực tương đương với ghi chép trong sách *Chu Lễ* (hình 7).



Hình 6. Hình vẽ vương thành trong sách Tam lễ đồ của Nhiếp Sùng Nghĩa (theo Tân đính tam lễ đồ, 1984)



Hình 7. Bản vẽ phục dựng Kinh đô Fujiwara (theo Terasaki Yasuhiro, 2002)

Sang đến Kinh đô Heijo (710 – 784), chúng ta bắt đầu thấy xuất hiện những yếu tố cho thấy sự học tập quy hoạch tổng thể Kinh đô Trường An của nhà Đường²⁷. Cùng với đó, cũng bắt đầu xuất hiện nhận thức coi kinh thành bao gồm cả khu vực quy hoạch bàn cờ (tương đương với khu vực quách). Đây có thể coi là việc tiếp nhận quan niệm mới về đô thành, ở thời điểm đó đã trở nên phổ biến ở nhà Đường, coi đô thành bao gồm cả quách. Tuy nhiên, không chỉ ở Kinh đô Heijo mà cả ở các kinh đô sau đó như Kinh đô Nagaoka (cuối thế kỷ VIII), Kinh đô Heian (từ năm 794), 12 cổng thành – một tiêu chuẩn của vương thành kiểu *Chu Lễ* vẫn tiếp tục được bố trí trên lớp tường của cung thành. Điều này cho thấy cấu trúc của Kinh đô Fujiwara đã trở thành một quy phạm truyền thống đã bám rễ sâu vào xã hội Nhật Bản và được các giai đoạn sau kế thừa.

Kết luận

Các kinh đô của Trung Quốc từ thời Hán đến thời Nam Bắc triều đều có cấu trúc 3 vòng cung – thành (bao lấy khu vực cung) – quách (bao bên ngoài). Cấu trúc này có thể được gọi dưới một tên gọi khác là cấu trúc nội thành (bao gồm khu vực cung và khu vực thành) – ngoại quách. Từ thời Hán đến thời Nam Bắc triều, phạm vi được coi là đô thành chỉ là khu vực nội thành, khu vực quách bên ngoài chưa được coi là thuộc phạm vi đô thành (hệ thống hình mô phỏng 1).

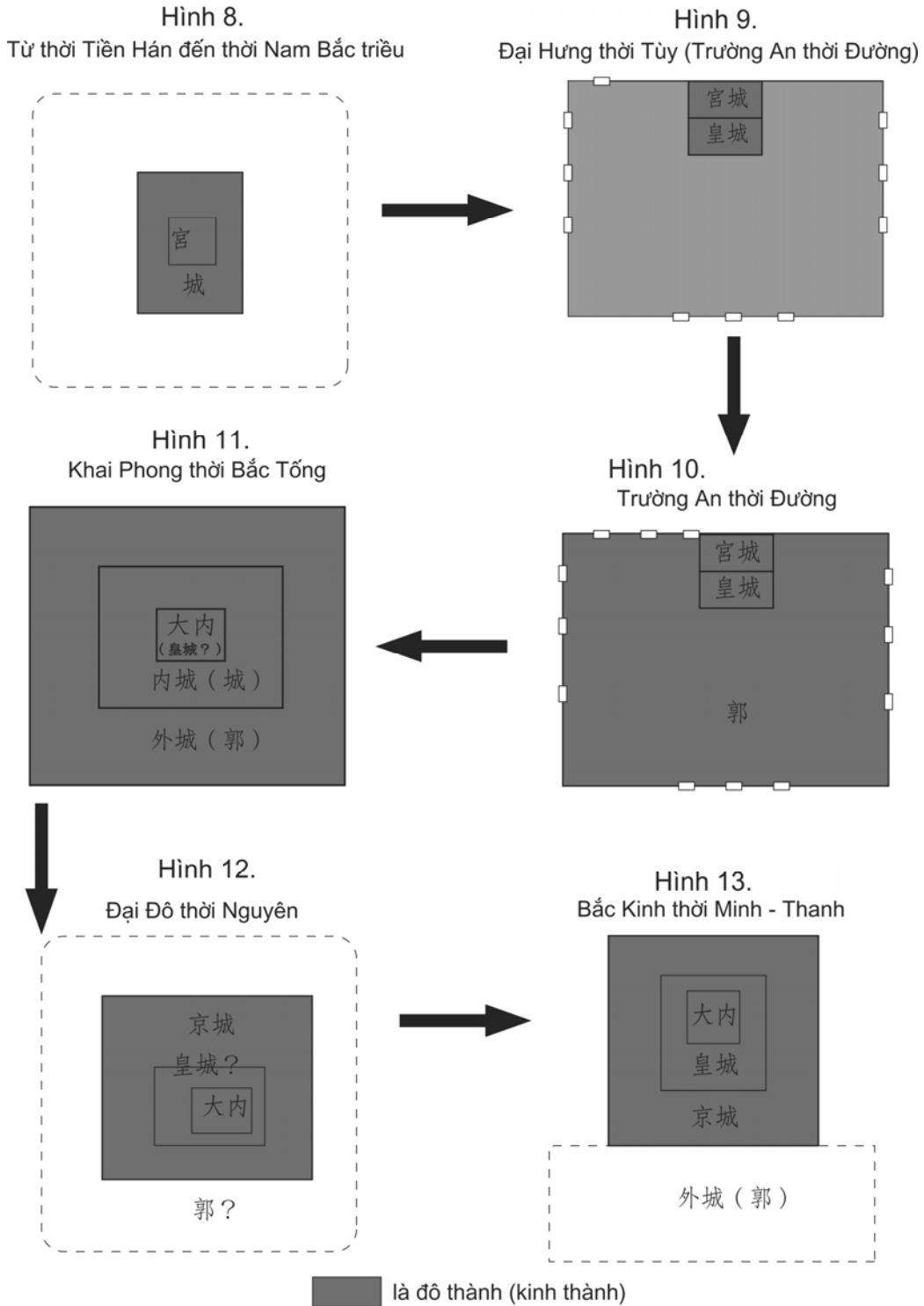
Vào thời Tùy, đã có những thay đổi lớn trong quy hoạch kiến trúc của quốc đô Đại Hưng (đến thời Đường được đổi tên thành Trường An). Khu vực cung và khu vực thành được xây dựng liên kết với nhau, được đặt tên là “cung thành” và “hoàng thành”. Bên trong khu vực thành, người ta không cho xây dựng các khu dân cư hay tự viện nữa, mà quy hoạch khu vực này trở thành nơi đặt trụ sở các cơ quan nhà nước. Khu vực quách

được quy hoạch theo hình bàn cờ và trở thành nơi tập trung các khu dân cư. Tương ứng với sự thay đổi quy hoạch cấu trúc tại Kinh đô Đại Hưng của nhà Tùy, “kinh thành” – khái niệm đồng nghĩa với đô thành cũng được mở rộng, bao gồm cả 3 khu vực cung – thành – quách. Tuy nhiên, vào thời Tùy, khái niệm đô thành truyền thống không bao gồm khu vực quách vẫn tiếp tục tồn tại song song với khái niệm đô thành mới. Tuy nhiên, đến trung kỳ thời Đường, khái niệm đô thành mới bao gồm cả khu vực quách đã trở nên phổ biến (hệ thống hình mô phỏng 1).

Tại Kinh đô Khai Phong thời Bắc Tống (960 – 1127), đô thành cũng bao gồm cả khu vực quách. Cùng với đó, lớp tường bao của khu vực quách cũng được xây dựng một cách kiên cố. Có thể nói, Kinh đô Khai Phong đã kế thừa và phát triển những cải cách và thay đổi của thời Tùy – Đường. Tuy nhiên, từ thời Nguyên (1271 – 1361) trở đi, nhận thức đô thành lại quay trở lại với khái niệm đô thành truyền thống khi chỉ coi khu vực nội thành là đô thành. Bắc Kinh của thời Minh – Thanh cũng coi khu vực nội thành là đô thành (kinh thành), khu vực tương đương với khu vực quách (bao gồm Thiên Đàn ở phía Nam) không được tính vào phạm vi đô thành. Như vậy, từ thời Nguyên trở đi, nhận thức về đô thành ở Trung Quốc đã có sự quay về với khái niệm đô thành truyền thống tồn tại từ thời Hán đến thời Nam Bắc triều (hệ thống hình mô phỏng 1).

Tại các Kinh đô Trường An và Lạc Dương của nhà Đường, tuy khái niệm đô thành bao gồm cả khu vực quách đã dần trở nên phổ biến, nhưng về mặt hành chính, khu vực quách vẫn bị đặt dưới quyền quản lý của các châu huyện giống như các khu vực nông thôn bên ngoài²⁸. Dưới thời Nam Bắc triều, có tư liệu cho thấy đô (kinh) thành (bao gồm khu vực cung và khu vực thành) nằm ngoài sự quản lý của châu huyện. Nếu xét từ góc độ đó, vào thời Tùy – Đường, do khu vực quách đã được đặt trong phạm vi của đô thành, lẽ ra khu vực quách cũng phải nằm ngoài sự quản lý của các châu huyện. Tuy nhiên, trên thực tế, khu vực quách vẫn tiếp tục bị đặt dưới quyền quản lý của châu huyện dưới thời Tùy – Đường giống như các thời kỳ trước đó. Đây là điểm khác biệt rất lớn về với cách phân chia trong ngoài so với các đô thị châu Âu thời trung thế. Chúng tôi cho rằng nguyên nhân của hiện tượng này có liên quan đến việc khu vực quách luôn đóng vai trò như là một phần của vùng ngoại ô (giao). Tại Trung Quốc, nhận thức cho rằng kinh đô được cấu thành bởi 2 bộ phận: thành của nhà vua (đô thành) và khu vực quách đã bám rễ rất sâu trong xã hội Trung Quốc. Việc các đô thành từ thời Nguyên trở về sau lại quay trở lại với khái niệm đô thành kiểu cũ có lẽ cũng bắt nguồn từ nhận thức này. Gốc rễ sâu xa của nhận thức này có lẽ bắt nguồn từ quan niệm không gian thống trị của hoàng đế Trung Quốc không chỉ giới hạn trong phạm vi đô thành mà mở rộng ra bốn phương theo những vòng tròn đồng tâm với hoàng đế là trung tâm.

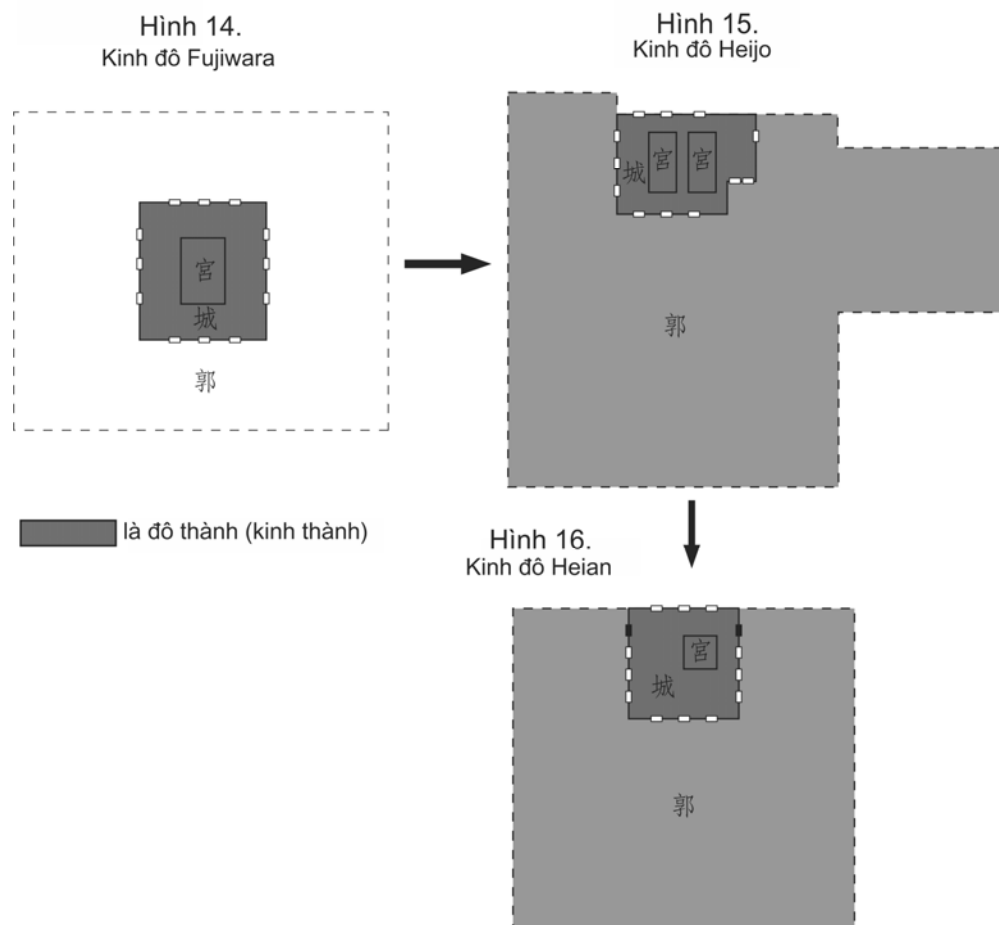
QUÁ TRÌNH THAY ĐỔI MÔ HÌNH ĐÔ THÀNH Ở TRUNG QUỐC...



Hệ thống hình mô phỏng 1. Quá trình biến đổi của khái niệm đô thành nhìn từ góc độ 3 vòng cung – thành – quách (Toyoda, 2010)

Giai đoạn quá độ của sự thay đổi khái niệm đô thành ở Trung Quốc cũng chính là thời kỳ Nhật Bản tìm kiếm mô hình xây dựng đô thành đầu tiên của mình. Kinh đô Fujiwara – kinh đô được xây dựng một cách bài bản đầu tiên của Nhật Bản, đã được xây dựng dựa trên quan niệm đô thành truyền thống tồn tại từ thời Tiền Hán đến thời Nam Bắc triều vốn coi đô thành (kinh thành) không bao gồm khu vực quách. Kinh đô Fujiwara cũng áp dụng cấu trúc vương thành lý tưởng được ghi chép trong sách *Chu Lễ* - kinh điển của Nho giáo. 12 cổng thành (một đặc điểm của vương thành kiểu Chu Lễ) đã được bố trí ở khu vực cung thành (cung Fujiwara) (hệ thống hình mô phỏng 2).

Đến thời Kinh đô Heijo, Nhật Bản đã du nhập khái niệm đô thành kiểu mới bao gồm cả quách khi ấy đã trở nên phổ biến ở Đường. Toàn bộ kinh đô đã được coi là đô thành. Tuy nhiên, tại các kinh đô sau Heijo như kinh đô Nagaoka hay Heian, yếu tố 12 cổng thành vẫn được bố trí ở khu vực cung thành. Điều này cho thấy cấu trúc dựa trên khái niệm đô thành cổ đã được xác lập từ thời Kinh thành Fujiwara sau này vẫn tiếp tục được kế thừa dù có phai nhạt ít nhiều. Song song với nó, Kinh đô Heian cũng kế thừa cấu trúc của Kinh thành Heijo vốn dựa trên khái niệm đô thành kiểu mới của thời Tùy Đường (hệ thống hình mô phỏng 2)²⁹.



Hệ thống hình mô phỏng 2. Quá trình biến đổi khái niệm đô thành ở Nhật Bản (Toyoda, 2010)

Trong những nghiên cứu của mình, chúng tôi đã trình bày sự thay đổi về khái niệm đô thành tại Trung Quốc và Nhật Bản. GS Momoki cũng chỉ ra rằng có khả năng sự thay đổi khái niệm về đô thành cũng xuất hiện tại Việt Nam³⁰. Vấn đề về sự thay đổi khái niệm đô thành đóng vai trò rất quan trọng trong việc nghiên cứu các kinh đô ở Trung Quốc và Nhật Bản nói riêng cũng như khu vực phía Bắc của đại lục châu Á nói chung, cũng như trong việc nghiên cứu so sánh với các khu vực khác như châu Âu.

Trong thời gian tới, cùng với việc tiếp tục nghiên cứu sâu hơn về các kinh đô của Trung Quốc và Nhật Bản, chúng tôi cũng muốn nghiên cứu kinh đô Thăng Long ở Việt Nam theo các hướng sau đây.

Ở Trung Quốc, khu vực trung tâm cung điện có thể có nhiều khu vực có trục đối xứng, hoặc trong một khu vực quan trọng bên cạnh trục đối xứng chính lại có nhiều trục đối xứng phụ. Chúng tôi cho rằng tại Kinh thành Thăng Long cũng có khả năng có nhiều khu vực có trục đối xứng, hoặc bên cạnh trục trung tâm chính còn có một số trục đối xứng khác. Chúng tôi sẽ tiếp tục tìm hiểu về vấn đề này cũng như mối quan hệ của nó với các nguyên lý cấu trúc không gian dựa trên lễ chế của Nho giáo như Tam triều chế.

Liên quan đến Kinh đô Thăng Long thời Lý, có khả năng Kinh đô Thăng Long thời kỳ này cũng chịu ảnh hưởng từ Kinh đô Khai Phong của Bắc Tống hoặc từ chính kinh đô Lạc Dương của nhà Đường (bản thân kinh đô Khai Phong đã chịu ảnh hưởng từ Lạc Dương đời Đường). Ngoài ra, cũng có thể Kinh đô Thăng Long của nhà Trần có chịu ảnh hưởng từ kinh đô Lâm An (Hàng Châu) của Nam Tống. Ngoài ra, Kinh đô Thăng Long đời Hậu Lê có lẽ chịu ảnh hưởng từ Nam Kinh hơn là Bắc Kinh của đời Minh. Chúng tôi rất hy vọng có thể tiến hành những nghiên cứu so sánh theo các hướng như trên.

Ngoài ra, trong nhiều nguồn tư liệu, có thể thấy quốc gia Đại Việt luôn tự nhận thức mình là Nam triều, đối lập với Trung Quốc là Bắc triều. Ý thức đối lập với phương Bắc đó không chỉ có ý nghĩa về mặt lãnh thổ mà có thể còn tồn tại dưới hình thức Đại Việt du nhập các yếu tố cổ điển hay các cấu trúc xây dựng của những vương triều cổ của Trung Quốc để thể hiện uy thế đối lập, ngang bằng với vương triều hiện tại của Trung Quốc. Chúng tôi cũng rất muốn nghiên cứu theo hướng so sánh về mặt cấu trúc của kinh đô Thăng Long với các kinh đô ở miền Nam Trung Quốc hoặc các hình mẫu kinh đô của Trung Quốc.

Khi tìm hiểu về cấu trúc không gian của Kinh đô Việt Nam, chúng tôi cho rằng khái niệm hoàng thành là một chìa khóa quan trọng để chúng ta có được những nhận thức sâu hơn. Chúng tôi cũng rất muốn tìm hiểu sự biến thiên của khái niệm hoàng thành.

Các di tích thành Cổ Loa, thành Thăng Long hay thành Nhà Hồ là những di tích hết sức quan trọng không chỉ của lịch sử Việt Nam mà còn rất quan trọng đối với việc làm rõ bản chất đô thị trên thế giới³¹. Chính vì vậy, chúng tôi rất hy vọng mình có thể học hỏi được nhiều từ việc nghiên cứu lịch sử Việt Nam./

CHÚ THÍCH

- ¹ Lưu Khánh Trụ, Lý Dục Phương (2003).
- ² Goi Naohiro (1987). Dương Khoan (1987).
- ³ Goi Naohiro (1987).
- ⁴ Dương Khoan (1987).
- ⁵ Toyoda Hiroaki (1998).
- ⁶ Viện KHXH Trung Quốc (1973, 1998).
- ⁷ Miyakawa Hisayuki (1956). Trong Nho giáo, chế độ đời Chu được cho là lý tưởng. Từ thời Hậu Hán, người ta đã cố gắng tìm hiểu về chế độ đời Chu qua các kinh điển của Nho giáo như sách *Chu Lễ*. Tuy nhiên, những tìm hiểu này phần lớn là từ góc độ từ chương, chưa chắc đã phản ánh đúng thực trạng của nhà Chu. Tuy nhiên, đúng góc độ kinh học từ chương, những thứ được cho là thuộc nhà Chu luôn được coi là hình mẫu lý tưởng.
- ⁸ Dương Khoan (1987).
- ⁹ Viện KHXH Trung Quốc (1973-3, 1973-4).
- ¹⁰ Đỗ Ngọc Sinh (1993).
- ¹¹ Toyoda Hiroaki (1998, 2002, 2003, 2008).
- ¹² Chu Nham Thạch (2004).
- ¹³ Nakamura Keiji (1984, 1988).
- ¹⁴ Akiyama Hideo (1984).
- ¹⁵ Nakamura Keiji (1984).
- ¹⁶ Akiyama Hideo (1984). Ở thành Nhà Hồ của Việt Nam cũng có một lớp như con đê bên ngoài giống như La thành trồng tre, chúng ta có thể dựa vào đây để tham khảo tính chất lũy tre của khu vực quách tại Kinh đô Kiến Khang. Chúng ta suy đoán rằng La thành Việt Nam cũng có cấu trúc tương tự.
- ¹⁷ Toyoda Hiroaki (1993, 1998, 2008).
- ¹⁸ Từ thời Tiền Hán đến thời Nam Bắc triều, khu vực đô thành là phần bên trong của khu vực thành (có bao lấy khu vực cung), khu vực đô thành này cũng được gọi dưới nhĩ hiệu là “hoàng thành”. Tuy nhiên, đến thời Đường, khu vực cung và khu vực thành được xây dựng liên kết với nhau nên chỉ có khu vực thành được gọi là “hoàng thành”. Từ thời Tống trở đi, khái niệm “hoàng thành” lại có ý nghĩa càng đặc biệt. Có khả năng, hai chữ “hoàng thành” của Kinh đô Thăng Long cũng mang ý nghĩa đặc biệt như khái niệm “hoàng thành” đã được phát triển thêm từ thời Tống. Liên quan đến vấn đề hoàng thành, chúng tôi sẽ trình bày kỹ hơn ở một bài viết khác.
- ¹⁹ Ủy ban quản lý văn vật tỉnh Thiểm Tây (biên soạn) (1959), *Tìm hiểu bước đầu về nền móng thành Trường An đời Đường*, Tạp chí Khảo cổ học báo, Số 3 - 1959.
- ²⁰ Học giả Imo’o Tatsuhiko (2001) cũng chỉ ra trong quy hoạch Kinh đô Trường An thời Tùy – Đường có tham khảo mô hình vương thành trong sách *Chu Lễ*.
- ²¹ Ở Đại Hưng đời Tùy (sau đó là Trường An đời Đường) cũng có những yếu tố cho thấy có tham khảo mô hình *Chu Lễ*. Các vương triều sau này cũng đều có xu hướng tham khảo mô hình *Chu Lễ*.
- ²² Toyoda Hiroaki (1998, 2002, 2008).
- ²³ Chúng tôi cho rằng vấn đề này có liên quan mật thiết đến cách thức thống kê nhân khẩu một cách thống nhất ở khu vực thành thị và nông thôn ở Trung Quốc. Chính vì nguyên nhân này nên chúng tôi cho rằng khu vực thành có tính chất như là khu vực để bảo vệ hoàng đế, các cơ quan quyền lực của nhà nước cũng như những người hỗ trợ cho vương quyền. Khu vực quách vốn được hình thành một cách trên cơ sở việc cưỡng chế di trú một số tầng lớp cũng như dòng di dân tự nhiên, nên nó có tính chất như một khu vực

trung gian kết nối với các vùng nông thôn xung quanh. Chính vì vậy, khu vực quách dù có tường bao thì tường đó cũng được xây dựng hết sức đơn giản. Liên quan đến vấn đề này, chúng ta cần thiết phải có những so sánh với các đô thị khác trên thế giới, đây cũng là một hướng nghiên cứu mà tôi muốn triển khai sâu hơn.

- ²⁴ Ở Nhật Bản, khu vực tương đương với nội thành thường được gọi là “cung”, ví dụ cung Fujiwara, cung Heijo. Đây là cách gọi xuất phát từ khái niệm “cung” của các Đại vương Nhật Bản (tên gọi cổ hơn của vị trí Thiên hoàng) thời kỳ trước khi Nhật Bản bắt tay vào xây dựng các kinh đô bài bản kiểu Trung Quốc. Khu vực “cung” của Nhật Bản hiểu theo nghĩa hẹp là khu vực trung tâm cung điện (nội lý).
- ²⁵ Yamanaka Sho (1993), Nito Atsushi (1992), Hayashibe Hitoshi (1993, 1999).
- ²⁶ Ozawa Tsuyoshi (1997, 2003), Nakamura Taichi (1996, 1999), Ngoài ra trước đó Kusumoto Tesuo (1983) cũng đề cập đến vấn đề này.
- ²⁷ Vương Duy Khôn (1997). Inoue (2003, 2005).
- ²⁸ Otagi Hazime (1981).
- ²⁹ Kinh thành Heian sau được gọi là Kyoto (kinh đô). Theo thời gian, Kinh thành Heian nguyên gốc dần dần bị hoang phế, nhưng đến tận thời Kamakura, những nhận thức về Đại nội (Nội lý), Hoàng thành, Kinh thành vẫn tiếp tục tồn tại. Đến thế kỷ XVI, sau khi Toyotomi Hideyoshi tiến hành quy hoạch lại Kyoto, nơi ở của Thiên hoàng được gọi là Cẩm Lý, khu cư trú của quý tộc được gọi là Hoàng thành, khu vực bên trong tường lũy bao quanh được gọi là thành Heian. Ở Trung Quốc, từ thời Nguyên trở đi, khái niệm đô thành cũng quay trở lại với quan niệm truyền thống chỉ riêng khu vực nội thành, nhưng ở Nhật Bản, từ sau kinh thành Heijo vẫn tồn tại song song 2 khái niệm đô thành kiểu truyền thống và đô thành kiểu mới đến tận thời cận thế.
- ³⁰ Momoki Shiro (2008), Momoki Shiro – Toyoda Hiroaki (2010).
- ³¹ Hiện nay, Việt Nam đang tiến hành công tác bảo tồn các tòa thành Cổ Loa, thành Thăng Long, thành Nhà Hồ, đặc biệt là thành Cổ Loa và thành Nhà Hồ vẫn lưu giữ được cảnh quan thiên nhiên hết sức tươi đẹp. Liên quan đến hoạt động bảo tồn, theo chúng tôi có thể tham khảo cách thức bảo tồn khu vực Asuka của Nhật Bản, tiến hành hoạt động bảo tồn bên cạnh việc giữ gìn cảnh quan thiên nhiên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lưu Khánh Trụ, Lý Dục Phương (2003), *Thành Trường An thời Hán*, NXB Văn vật.
2. Goi Naohiro (1987), *Đô thành Trung Quốc cổ đại. Đô thị thành quách Trung Quốc cổ đại và quản lý khu vực* (2002), NXB Meicho kankokai.
3. Dương Khoan, *Nguồn gốc và sự phát triển các đô thành Trung Quốc* (Nishijima Sadao – giám sát dịch thuật), NXB Gakuseisha.
4. Viện KHXH Trung Quốc (Đội công tác Lạc Dương, Viện Khảo cổ) (1973), “Điều tra sơ bộ về thành Lạc Dương thời Hán – Ngụy”, tạp chí *Khảo cổ*, số 4 – 1973.
5. Viện KHXH Trung Quốc (Đội Thành Lạc Dương thời Hán – Ngụy, Viện Khảo cổ) (1998), “Đào thám sát tường thành thành cổ Lạc Dương thời Hán – Ngụy”, tạp chí *Khảo cổ học báo*, số 3-1998.
6. Toyoda Hiroaki (1998), “Một vài khảo sát liên quan đến chế độ đô thành của Trung Quốc – xung quanh các thuật ngữ Cung – Thành – Quách”, tập bài viết mừng thọ GS Aboshi Yoshinori 70 tuổi.

7. Toyoda Hiroaki (2001), “Về cung Naniwa thời kỳ đầu và chế độ Tam triều “thời Chu””, tạp chí *Historia*, Số 173.
8. Toyoda Hiroaki (2002), “Về sự biến đổi của khái niệm đô thành thời Tùy – Đường và mối quan hệ với cung đô Nhật Bản”, tạp chí *Nghiên cứu chế độ điều lý đô thành thị cổ đại*, số 18.
9. Toyoda Hiroaki (2003), *Khảo sát vấn đề tường thành đô thị ở Trung Quốc qua các cung đô từ thời Nam Bắc triều đến Tùy Đường*, Kỷ yếu khảo cổ bư chính, số 33.
10. Toyoda Hiroaki (2007-a), “Về mối quan hệ giữa khu vực cung của kinh đô Fujiwara với vương thành (quốc)”, tạp chí *Văn hóa cổ đại*, số 59-2.
11. Toyoda Hiroaki (2007-b), “Dị triều minh đường chỉ đồ ký lưu giữ tại Đền thờ Iwashimizu Hachiman và Chu thất vương thành tông miếu minh đường đồ của Nguyễn Kham”, tập san Trung tâm biên soạn sử liệu Đại học Kogakukan, Số 208.
12. Toyoda Hiroaki (2008), “Sự biến đổi của khái niệm đô thành ở Trung Quốc và cung đô Nhật Bản”, Vương Duy Khôn, Uno Takao (biên soạn), “Nghiên cứu tổng hợp về giao lưu Đông Á thời cổ đại”, Trung tâm Nghiên cứu Văn hóa Quốc tế.
13. Toyoda Hiroaki (2006), “Về lỗ cột nhỏ ở cung Naniwa thời kỳ đầu – nhìn từ góc độ chân thang”, tạp chí *Nghiên cứu Nhật Bản thư ký*, số 27.
14. Toyoda Hiroaki (2010), “Giải mã không gian của Kinh thành Thăng Long – So sánh với sự biến đổi khái niệm đô thành ở Nhật Bản và Trung Quốc” (báo cáo), Đại hội chi hội Osaka của Hội Hữu nghị Nhật – Việt.
15. Toyoda Hiroaki (2010), “Sự biến thiên của mô hình đô thành ở Trung Quốc và đô thành cổ đại Nhật Bản” (báo cáo), Cuộc họp Nhật Việt về bảo tồn Hoàng thành Thăng Long (Trung tâm Bảo tồn di tích Cổ Loa và thành cổ Hà Nội).
16. Miyakawa Hisayuki (1956), *Nghiên cứu lịch sử Lục triều (chính trị - xã hội)*, NXB Heiraku.
17. Đỗ Ngọc Sinh (1993), “Phát hiện và nghiên cứu thành ngoại quách của Kinh đô Lạc Dương thời Bắc Ngụy”, Hội hợp tác nghiên cứu Nhật – Trung, Hiện trạng nghiên cứu chế độ đô thành Nhật – Trung, Trung tâm Di sản Văn hóa Nara, Viện Khảo cổ - Viện KHXH Trung Quốc.
18. Chu Nham Thạch (2004), “Di tích thế giới Di tích Nghiệp thành tỉnh Hà Bắc – Nền tháp khổng lồ của tự viện Phật giáo Bắc triều”, *Nghiên cứu Khảo cổ học*, số 51 (1).
19. Nakamura Keiji (1988), “Về “đô thành” Kiến Khang, Hội nghiên cứu lịch sử đời Đường” (biên soạn), *Nghiên cứu lịch sử đô thị Trung Quốc*, NXB Tosui Shobo.
20. Nakamura Keiji (1984), Kiến Khang và thủy vận, Hội nghiên cứu lịch sử thủy lợi Trung Quốc (biên soạn), Tập bài viết về lịch sử thủy lợi Trung Quốc nhân kỷ niệm GS Sato Hiroshi nghỉ hưu, NXB Kokusho Kankokai.
21. Akiyama Hideo (1984), “Bước đầu phục dựng đô thành Kiến Khang của Nam triều”, Viện nghiên cứu khảo cổ học Kashiwara (biên soạn), Tập san *Viện Nghiên cứu Khảo cổ học Kashiwara*, số 7, NXB Yoshikawa Kobunkan.
22. Imo’o Tatsuhiko (2001), Quy hoạch đô thị Trường An, NXB Kodansha.
23. Ozawa Tsuyoshi (1997), Quá trình thiết lập kinh đô cổ đại Fujiwara, *Nghiên cứu cấu trúc cung đô Nhật Bản thời cổ đại*, NXB Aoki Shoten.
24. Ozawa Tsuyoshi (2003), Việc xây dựng Kinh đô Fujiwara và các vấn đề xung quanh kinh thành, *Nghiên cứu cấu trúc cung đô Nhật Bản thời cổ đại*, NXB Aoki Shoten (2003).
25. Nito Atsushi (1992), Từ “Oài kinh” đến Kinh đô Fujiwara, Vương quyền cổ đại và đô thành, NXB Yoshikawa Kobunkan (1998).

26. Kusumoto Tetsuo (1983), *Kinh thành của Kinh đô Fujiwara, Di tích Injo ở thành phố Kashiwara*, Báo cáo điều tra di sản văn hóa Nara (tập 40), Ủy ban Giáo dục tỉnh Nara.
27. Hayashibe Hitoshi (1993), *Ý nghĩa của hệ thống điều lý đối với Kinh thành Fujiwara*, Nghiên cứu quá trình hình thành cung đô Nhật Bản, NXB Aoki Shoten (2001).
28. Inoue Kazuto (2004), *Nghiên cứu thực chức về chế độ điều lý ở các đô thành cổ đại*, NXB Gakuseisha.
29. Vương Duy Khôn (1997), *Nghiên cứu văn vật và đô thành cổ đại của Trung Quốc và Nhật Bản*, NXB Minh Hữu.
30. Otagi Moto'o (1981), *Khảo sát hương lý lương kinh*, Nghiên cứu lịch sử xã hội địa phương thời Đường, NXB Domeisha (1997).
31. Momoki Shiro (2010), *Nhìn lại các nguồn tài liệu văn bản liên quan đến đô thành Thăng Long thời Lý – Đại Việt, Cuộc họp hỗn hợp Nhật – Việt để bảo tồn di tích Hoàng thành Thăng Long*, Trung tâm bảo tồn di tích Cổ Loa và thành cổ Hà Nội.
32. Momoki Shiro, Toyoda Hiroaki (2010), *Các không gian cấu thành vương đô Thăng Long thời trung đại và chức năng của chúng (báo cáo), Hội nghị các nhà nghiên cứu Việt Nam của Nhật Bản – Đại hội lần thứ 1 năm 2010*, Bảo tàng kỷ niệm Inamori Đại học Kyoto.